TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM **VIETNAM NATIONAL** **PETROLEUM GROUP** PETROLIMEX	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom – Happiness***
Số: **2912/PLX-TCKT**	*Hà Nội, ngày **16** tháng **11** năm **2026*** *Hanoi, November 16th , 2026*

THÔNG BÁO

Giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES, CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIA TED PERSON OF INTERNAL PERSON

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hà Nội;
- Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

To:
- The State Securities Commission;
- HaNoi City Stock Exchange;
- Petrolimex Hatay Transportation and Services JSC

1. Thông tin về tổ chức thực hiện giao *dịch/Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Tên tổ chức/*Name of organisation:* ***TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM / VIETNAM NATIONAL PETROLEUM GROUP***

- Quốc *tịch/Nationality:* ***Việt Nam / Vietnam***

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp /*Number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue:* ***0100107370 – Ngày cấp: 25/07/2025 – Nơi cấp: Sở Tài chính TP Hà Nội / 0100107370 – Date of issue: 25/07/2025 – Place of issue: The Hanoi Department of Finance.***

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở *chính/Contact address/address of head office:* ***Số 1 Khâm Thiên, Phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội, Việt Nam / No 1 Kham Thien, Van Mieu - Quoc Tu Giam Ward, Hanoi, Vietnam***

- Điện thoại/*Telephone:* ***024 3851 2603*** – Website: ***https://www.petrolimex.com.vn***

- Mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ */ Relationship with the public company, the fund management company:* ***Công ty Mẹ / Parent Company***

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại *chúng)/Information of Internal person of the public company/public fund who is the*

affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of Internal person of the public company/public fund):

2.1. Họ và tên người nội bộ/*Name of Internal person:* Lê Tự Cường / *Le Tu Cuong*

- Quốc *tịch/Nationality:* Việt Nam / *Vietnamese*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn *cước/ID card/Passport No.:* – Ngày cấp: – Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội / *– Date of issue: – Place of issue: Police Department for Administrative Management of Social Order*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý *quỹ/Current position in the public company, the fund management company:* Chủ tịch Hội đồng quản trị / *Chairman of the Board*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing the transaction with the Internal person:* Người đại diện vốn – *đại diện 20,4% vốn điều lệ tại Công ty / Authorized Representative for Capital Contribution – representing 20,4% of Charter Capital*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):* 108.743 cổ phiếu – tỷ lệ 3,1% / *108.743 shares – accounting for 3,1%*

2.2. Họ và tên người nội bộ/*Name of Internal person:* Nguyễn Tiến Cường/ Nguyen Tien Cuong

- Quốc *tịch/Nationality: Việt Nam/ Vietnamese*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn *cước/ID card/Passport No.:* - Ngày cấp: – Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội / *– Date of issue: – Place of issue: Police Department for Administrative Management of Social Order*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý *quỹ/Current position in the public company, the fund management company:* Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc / *Member of Board of Directors, Deputy Director*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing the transaction with the Internal person:* Người đại diện vốn – *đại diện 12,75% vốn điều lệ tại Công ty / Authorized Representative for Capital Contribution – representing 12,75% of Charter Capital*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):* 115.024 cổ phiếu – tỷ lệ 3,28% / *115.024 shares – accounting for 3,28%*

2.3. Họ và tên người nội bộ/*Name of Internal person: Nguyễn Tử Bình/ Nguyen Tu Binh*

- Quốc *tịch/Nationality: Việt Nam/ Vietnamese*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn *cước/ID card/Passport No.:* - Ngày cấp: – Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội / *– Date of issue: – Place of issue: Police Department for Administrative Management of Social Order*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:* Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc */ Member of Board of Directors, Director*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing the transaction with the Internal person:* Người đại diện vốn – *đại diện 17,85% vốn điều lệ tại Công ty / Authorized Representative for Capital Contribution – representing 17,85% of Charter Capital*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any): 110.447 cổ phiếu – tỷ lệ 3,14% / 110.447 shares – accounting for 3,14%*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:* ***PTH***

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục *3 / Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3 above:……* tại công ty chứng khoán/In *the securities company: …….*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ *phiếu/Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction of executing rights of purchase or convert bonds into shares:* ***1.786.713 cổ phiếu / 1.786.713 shares***

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights or convertible bonds owned:*

- Số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi*)/Number of convertible bonds owned (in case of exercising trading of convertible bonds or rights to buy convertible bonds):*

- Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights to purchase shares/fund certificates/convertible bonds owned currently:* ***1.786.713 quyền mua / 1.786.713 purchase rights***

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/*Proportion of executing rights to purchase (in case of trading the purchase right) or proportion of converting bonds into shares (in case of convertible bond trading):* ***2:1***

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi *(đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)* đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights to*

purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/Type *of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/lnherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký giao dịch/ *Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registeredfor trading:* ***1.786.713 quyền mua (tương đương được mua 893.356 cổ phiếu) / 1.786.713 purchase rights (entitling the purchase of 893.356 shares)***

9. Giá trị thực hiện quyền mua dự kiến */ Expected purchased value:* ***8.933.560.000 VND***

10. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/Number *of shares/fund certificates/ convertible bonds expected to hold after exercising the right to purchase or number of shares expected to hold after converting bonds into shares:* ***2.680.069 cổ phiếu – chiếm 51% (Tính trên tổng số cổ phiếu dự kiến sau khi Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng với giả định phát hành hết số cổ phiếu đã đăng ký) / 2.680.069 shares – representing 51% (Calculated on the expected total number of shares after Petrolimex Hatay Transportation and Services JSC completes its public offering of shares, assuming all registered shares are fully issued)***

11. Phương thức giao dịch*/Method of transaction:* ***Nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, số tài khoản 999668001 mở tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á / Transfer of funds for the purchase of shares to the blocked account of Petrolimex Hatay Transportation and Services JSC, Account number 999668001 held at Seabank***

12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time:* **19/11/2026**

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban TT&QHCC;
- Lưu VT/TCKT.

Recipients:
- *As above;*
- *PR Department;*
- *Archives in office/Finance and Accounting.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾ TOÁN TRƯỞNG
AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSURE INFORMATION
CHIEF ACCOUNTANT

Phạm Văn Quang